

Bản án số: 120/2026/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tổng Văn Chiên, bà Đào Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ A Thái – Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Đặng Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2026/TLST - HS ngày 04/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2026/QĐXXST-HS ngày 02/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tẩn **I N2**, sinh ngày: 09/3/1968, tại: tỉnh Lai Châu; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản B, xã S, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Tẩn M**, đã chết; con bà: **Tẩn Liều M**, sinh năm 1936; gia đình bị cáo có 08 chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo chung sống như vợ chồng chưa đăng ký kết hôn với **Tẩn Mỹ C**, sinh năm 1968, tại bản Bành Phán, **xã S, tỉnh Lai Châu**; bị cáo có 05 con; con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 58/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Tẩn I Ngan 01 năm 06 tháng tù, bị cáo **T** I Ngan đã chấp hành xong án phạt tù ngày 19/3/2025. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên. Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2025 đến ngày 07/9/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam **P**, thuộc Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay. *Bị cáo có mặt.*

2. Họ và tên: **Thào A S**, sinh ngày: 01/01/1976, tại: tỉnh Lai Châu; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản L, xã S, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Thào A S1**, đã chết; con bà: **Liều Thị D**, đã chết; gia đình bị cáo có 08 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Bị cáo hiện đang chung sống như vợ chồng với **Sùng Thị X**, sinh năm 1980, tại bản Liều Chải, **xã S, tỉnh Lai Châu**; bị cáo có 07 con; con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Về nhân thân: Tại bản án số 75/2013/HSST ngày 22/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm i khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt **Thào A S** 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ phần quyết định của bản án và đã được xóa án tích đối với bản án trên. Tại bản án số 64/2017/HS-ST ngày 07/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt **Thào A S** 01 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích đối với bản án trên.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2025 đến ngày 07/9/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam **P**, thuộc Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay. *Bị cáo có mặt*

* Người bào chữa cho các bị cáo: Ông **Nguyễn Xuân O** – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L**. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: các bị cáo **Tần I Ngan** và **Thào A S** là đối tượng nghiện Heroine và có quen biết nhau, ngày 16/01/2025 **Tần I Ngan** hỏi **S** có biết ai có Heroine bán thì cho số điện thoại để hỏi mua sử dụng. Sau đó, **S** cho **N2** số điện thoại của **Lý A S2**, sinh năm 1992, trú tại bản Trung Chải, **xã P, tỉnh Lai Châu** để **N** hỏi Mua Heroine. **Ngan** dùng số điện thoại 0355544318 đã nhiều lần gọi vào số điện thoại 0333541556 của **Súa** nhưng **S2** không có Heroien bán.

Đến khoảng 15 giờ ngày 31/8/2025, **N2** gọi điện hỏi mua Heroine của **S2** thì **S2** đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực đồi thông thuộc khu vực bản Trung Chải, **xã P** để trao đổi mua bán Heroine. **Tần I N2** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát 25B1- 663.79 của mình đi sang nhà **Thào A S** rủ đi mua Heroine để cùng nhau sử dụng, **S** đồng ý. **S** điều khiển xe chở **N2** đi đến khu vực đồi thông thuộc bản Trung Chải, thì **S** dừng xe lại, xuống hái lá thuốc còn **N2** thì xuống xe đi bộ cách vị trí **S** đang hái lá thuốc khoảng 50m thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 30 tuổi. Qua trao đổi, **N2** mua được của người đàn ông trên 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu đen với giá 50.000 đồng. Mua được **Heroine N1** giấu trong ví da màu nâu, để trong túi áo trước ngực đang mặc rồi đi về phía **S** đang hái lá thuốc và nói với **S** “mua được **H** rồi, đi về thôi”. Mua được **Heroine S3** điều khiển xe mô tô chở **N1** đi về, trên đường về, **N1** có nói lại cho **S3** biết việc mua gói Heroine với giá 50.000 đồng và rủ **S3** đi tìm chỗ để sử dụng. Đến 18 giờ 40 phút ngày 31/8/2025, **S3** điều khiển xe mô tô chở **N1** đi về đến **bản N, xã P** thì bị tổ công tác **Công an xã P, Công an tỉnh L** đang làm nhiệm vụ phát hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của **Thào A S** và **Tần I Ngan**. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Tần I N2** và **Thào A S** về

hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, niêm phong, thu giữ vật chứng, điều tra, truy tố theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 740/KL-KTHS ngày 03/9/2025 của **Phòng K Công an tỉnh L**, kết luận: số chất bột, màu trắng thu giữ của **Tần Í Ngan** và **Thào A S** có khối lượng 0,16 gam. Mẫu chất bột, màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Về vật chứng của vụ án: đối với 0,16 gam Heroine thu giữ của **Tần Í N**, Cơ quan điều tra đã lấy toàn bộ 0,16 gam gửi giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật). Vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 mảnh nilon màu đen; 01 phong bì niêm phong đã mở; 01 ví da màu nâu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát 25B1- 663.79; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu vàng; 01 đăng ký xe mang tên **Tần Í Ngan** số 061171; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh – đen.

Bản cáo trạng số 113/CT – VKSKV3 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã truy tố các bị cáo **Tần Í Ngan**, **Thào A S** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: **Tần Í Ngan** từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 10 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: **Thào A S** từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 05 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh nilon màu đen; 01 phong bì niêm phong đã mở; 01 ví da màu nâu; tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát 25B1- 663.79; số khung: 3822KY032333, số máy: JA38E0517852; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu vàng, điện thoại lắp kèm theo 02 sim; 01 đăng ký xe mang tên **Tần Í Ngan** có số 061171 do **Phòng C1 – Công an tỉnh L** cấp. Trả lại cho bị cáo **Thào A S** 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh – đen kèm theo 01 sim.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Người bào chữa và Kiểm sát viên không có tranh luận gì.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì khác và không có tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau

cùng bị cáo Tần Í Ngan rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo **Thào A S** rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình tham gia phiên tòa người bào chữa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: hồi 18 giờ 40 phút ngày 31/8/2025, tại bản Nậm Nó 2, **xã P, tỉnh Lai Châu**, hai bị cáo **T Í Ngan** và **Thào A S** có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,16 gam, mục đích các bị cáo để sử dụng thì bị **Công an xã P, Công an tỉnh L** phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Bị cáo Tần Í Ngan có vai trò là người trực tiếp khởi sự, thực hiện tội phạm. Bị cáo **Thào A S** là người giúp sức cho **N2** trong việc đi tìm mua Heroine. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý đối với các chất ma túy. Gây mất trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Tần Í N2** đã có tiền án chưa được xóa an tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Tần Í N2** phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Thào A S** có nhân thân xấu, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo

hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Thào A S** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét nhân thân và các tình tiết, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe các bị cáo, giúp các bị cáo cải tạo, phấn đấu trở thành công dân tốt, sống tôn trọng quy định của pháp luật và có ích cho gia đình, xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị về mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Xét đề nghị của người bào chữa đề nghị cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án đồng phạm giản đơn.

[4] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: đối với 0,16 gam Heroine thu giữ của **Tần I Ngan**, đã gửi toàn bộ đi giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật). Tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh nilon màu đen; 01 phong bì niêm phong đã mở; 01 ví da màu nâu (đây là những công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy là đảm bảo); tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát 25B1- 663.79; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu vàng; 01 đăng ký xe mang tên **Tần I Ngan** số 061171; (đối với chiếc xe mô tô, điện thoại và giấy tờ xe bị cáo **T I Ngan** dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định). Trả lại cho bị cáo **Thào A S** 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh – đen (chiếc điện thoại này bị cáo **S** không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo đúng quy định).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1- 663.79 mang tên bị cáo **Tần I Ngan**, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe là tài sản của bị cáo, đối với việc bị cáo chung sống như vợ chồng với bà **Tần Mỹ C**, tại phiên tòa bị cáo lại khai có đăng ký kết hôn với **Tần Mỹ C** nhưng không có tài liệu gì chứng minh, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự bà **T Mỹ Chài** nếu có căn cứ và tài liệu liên quan đến tài sản là chiếc xe mô tô này thì có thể yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự đối với bị cáo **T I Ngan** bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về các vấn đề liên quan:

- Về nguồn gốc ma túy, bị cáo **Tần I N2** khai có sử dụng số điện thoại 0355544318 gọi điện đến số điện thoại 0333541556 của một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 30 tuổi. Qua điều tra, truy tố và tại phiên tòa xác định, số điện thoại trên là của **Lý A S2**, sinh năm 1992, trú tại bản Trung Chải, **xã P, tỉnh Lai Châu**. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra **S2** không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho **N2** vào chiều ngày 31/8/2025. Cơ quan điều tra cho **N2** nhận dạng đối với **S2** nhưng **N2** không nhận ra được **S2**; cho **Thào A S** nhận dạng đối với **S2**, **S** nhận ra được **Lý A S2** do trước đó **S** và **S2** có quen biết nhau

nhưng tại thời điểm **N2** mua Heroine của người đàn ông thì **S2** không khẳng định được đó có phải là **Lý A S2** hay không; ngoài lời khai của **N2** không còn chứng cứ nào khác, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý đối với **Lý A S2** trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra đã xác định trong nước tiểu của **N2** và **S** có chất ma túy, tuy nhiên, **N2** và **S** không thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[7] Về án phí: các bị cáo **Tần I Ngan**, **Thào A S** là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với bị cáo **Tần I Ngan**:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với bị cáo **Thào A S**:

1. Tuyên bố các bị cáo **Tần I N2** và **Thào A S** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Tần I Ngan**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Thào A S**: 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh nilon màu đen; 01 phong bì niêm phong đã mở; 01 ví da màu nâu; tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen, trắng, biển kiểm soát

25B1- 663.79; số khung: 3822KY032333, số máy: JA38E0517852; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu vàng, điện thoại lắp kèm theo 02 sim; 01 đăng ký xe mang tên Tản Ủ Ngan có số 061171 do Phòng C1 – Công an tỉnh L cấp. Trả lại cho bị cáo Thào A S 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh – đen kèm theo 01 sim. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 24/02/2026 giữa Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu).

4. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (CSĐT);
- Công an tỉnh Lai Châu (CQ THAHS);
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng hồ sơ);
- Phân trại tạm giam Phong Thổ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa